

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý;
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 789/2022/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hạng Thị B, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: Tổ 20, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Kim C, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: Tổ 20, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hạng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà B và ông C đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2011 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống cùng nhau mà bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, ông C có hành vi bạo lực đánh vợ con, hai vợ chồng không có tiếng nói chung và trên thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn nên nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 04 con chung tên Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011; Trần T1, sinh ngày 26/10/2013; Trần P, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011 và Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020, bà B không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Bà B đồng ý giao cháu Trần T1, sinh ngày 26/10/2013 và Trần P, sinh ngày 23/12/2018 cho ông C nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Chứng minh nhân dân của bà B; Chứng minh nhân dân của ông C; sổ hộ khẩu gia đình của ông C và bà B; Giấy nhận kết hôn; 02 Giấy khai sinh; 02 trích lục khai sinh và bản tự khai của bà B.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Kim C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, ông xác định giữa hai vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, ông C vẫn còn yêu thương vợ con. Do vậy, nay trước yêu cầu khởi kiện của bà B về việc ly hôn, ông C không đồng ý. Về con chung, vì ông C không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung, nếu Tòa giải quyết, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ thường trú tại khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh B Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B Dương.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hạng Thị B và bị đơn ông Trần Kim C trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 26/4/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89, quyền số 01/2001. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn bà B và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định từ tháng 7/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông C không có trách nhiệm với gia đình phụ bà B chăm sóc con chung, ông C có hành vi bạo lực đánh vợ, con và trên thực tế vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay. Hiện tại, bà B xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Bị đơn ông Trần Kim C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà B vì ông C còn yêu thương vợ con. Do vậy, nay bà B làm đơn ly hôn, ông C không đồng ý, về con chung, ông C trình bày, nếu Tòa giải quyết cho ông C và bà B ly hôn thì ông C đồng ý giao con chung là cháu Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011 Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020 cho bà B nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần T1, sinh ngày 26/10/2013 và Trần P, sinh ngày 23/12/2018, ông C yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn trình bày còn yêu thương vợ con nhưng không có giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 04 con chung tên 04 con chung tên Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011; Trần T1, sinh ngày 26/10/2013; Trần P, sinh ngày 23/12/2018 và Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011 và Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020, không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Bà B đồng ý giao cháu Trần T1, sinh ngày 26/10/2013; Trần P, sinh ngày 23/12/2018 cho ông C nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy đối với cháu Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011, tại Bản tự khai của cháu T, nguyện vọng của cháu Trần Thùy T muốn được sống cùng với bà Hạng Thị B. Đối với cháu Trần Tiên, sinh ngày 26/10/2013, tại Bản tự khai của cháu T1, nguyện vọng của cháu T1 muốn được sống cùng với ông Trần Kim C. Đối với cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020 đang còn nhỏ nên cần được sự trông nom, chăm sóc của người mẹ, mặt khác bà B cũng là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D từ nhỏ. Đối với cháu Trần P, sinh ngày 23/12/2018, hiện tại đang sống cùng với ông C và do ông C chăm sóc. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các cháu cũng như để đảm bảo mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần cho các cháu, hiện cháu Trần Thùy T và cháu Trần Mỹ D đang sống cùng với bà Hạng Thị B; cháu Trần T1 và Trần P hiện đang sống với ông Trần Kim C. Do đó, việc giao cháu Trần Thùy T và cháu Trần Mỹ D cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Trần T1 và Trần P cho ông Trần Kim C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B và ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Hạng Thị B và bị đơn ông Trần Kim C không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hạng Thị B về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Trần Kim C.

- Về hôn nhân: Bà Hạng Thị B được ly hôn với ông Trần Kim C.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 26/4/2011 cho ông Trần Kim C và bà Hạng Thị B không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

+ Giao 02 con chung là cháu Trần Thùy T, sinh ngày 25/11/2011 và cháu Trần Mỹ D, sinh ngày 23/6/2020 cho bà Hạng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Giao 02 con chung là cháu Trần P, sinh ngày 23/12/2018 và Trần T1, sinh ngày 26/10/2013 cho ông Trần Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Hạng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hạng Thị B và ông Trần Kim C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông bà B và ông C thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hạng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011958 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã X, huyện C, tỉnh Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hoa